ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 100 /QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 22 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính đượcban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 199/TTr-SGTVT ngày 20/01/2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận *(đính kèm danh mục thủ tục hành chính)*.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải căn cứ danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết, công khai thực hiện theo quy định;

2. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính để xây dựng quy trình điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/01/2019; Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và sửa đổi, bổ sung, thay thế các thủ tục hành chính số thứ tự 01, 02, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 tại Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP); (báo cáo)
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TT.CNTTTT (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ, KTTH, PVHCC;
- Lưu: VT. NTL

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Lê Huyền

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 100.../QĐ-UBND ngày 22./01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	**Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới**						
1		Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không có	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024
2		Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Trường hợp cấp lại lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị; - Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không có	
II	**Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**						
3	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi đề nghị đến Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn; - Thời hạn Sở Giao thông vận tải tổ	Sở Giao thông vận tải	Không có	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày

				chức kiểm tra, đánh giá: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định; - Thời hạn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.			18/12/2024
4	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải	Không có	
5	1.001751	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải	Không có	
6	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Thời hạn tổ chức kiểm tra thực tế: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Thời hạn cấp lại Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	Sở Giao thông vận tải	Không có	
7	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không có	
8	1.000004	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không có	

9	1.004998	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không có	
10	1.004995	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không có	
11	1.004987	Cấp lại Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị; - Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của trung tâm sát hạch lái xe: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không có	
III	**Danh mục thủ tục hành chính thay thế**						
12		Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Cấp Giấy phép đào tạo: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Cấp Giấy phép xe tập lái: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.	Sở Giao thông vận tải	Không có	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024
13		Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ *(cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật cho các tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn địa phương)*	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	UBND tỉnh	Không có	Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024

14		Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa (*là hóa chất bảo vệ thực vật*)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	UBND tỉnh	Không có	
15		Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép *(là hóa chất bảo vệ thực vật)*	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	UBND tỉnh	Không có	
16		Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép *(là hóa chất bảo vệ thực vật)*	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	UBND tỉnh	Không có	
17		Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ *(là hóa chất bảo vệ thực vật)*	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	UBND tỉnh	Không có	
18		Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng *(là hóa chất bảo vệ thực vật)*	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua hệ thống DVC trực tuyến.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	UBND tỉnh	Không có	